Practice

Bài 1: Chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án A, B, C, D.

1. *Không khí ở một vài thành phố lớn đang trở nên ô nhiễm hơn.*

The air in some big cities _____ more polluted.

A. becomes

B. is becoming

C. will become

D. became

2. *Chính phủ đã thử áp dụng một vài hệ thống giao thông hiện đại để giảm thiểu tắc đường trong thời gian gần đây.*

The government _____ adopting some modern transport systems to reduce traffic congestion recently.

A. is trying

B. will try

C. has tried

D. tried

3. *Trong vòng 30 năm tới, tất cả năng lượng hóa thạch sẽ bị thay thế bởi những nguồn năng lượng thân thiện với môi trường.*

In the next thirty years, all fossil fuels _____ replaced by eco-friendly energy sources.

A. are

B. are being

C. will be

D. have been

4. *Mọi người thường xuyên cập nhật các xu hướng mới trên mạng xã hội.*

People often _____ the latest trends on social media.

A. will follow

B. follow

C. are following

D. followed

publication's user rights are given to

LIVEWORKSHEETS

5. *Vào thế kỉ 19, người ta chủ yếu dùng thư để giữ liên lạc với nhau.*

In the 19th century, people mainly _____ letters to keep in touch.

A. used

B. has used

C. is using

D. will use

6. *Vào năm 2010, số lượng người bị bệnh ở Việt Nam chỉ là 100 người trong khi số liệu ở Thái Lan là 200 người.*

In 2010, the number of ill people in Vietnam _____ only 100 while the figure for Thailand was 200.

A. was

B. will be

C. is

D. has been

7. *Một số giải pháp đã được đề xuất gần đây nhằm bảo vệ môi trường.*

Several measures _____ recently in order to protect the environment.

A. are proposed

B. will be proposed

C. have been proposed

D. proposed

8. *Ngày nay, giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc hiện đại hoá xã hội.*

Nowadays, education _____ an important role in modernizing society.

A. played

B. will play

C. has played

D. plays

9. *Kế hoạch mới của anh sẽ giúp mọi người làm việc hiệu quả hơn.*

Your new plan _____ people work more effectively.

A. helps

B. will help

This publication's user rights are given to [redacted]

LIVEWORKSHEETS

C. has helped

D. helped

10. *Chính phủ đã sai lầm khi họ áp dụng giải pháp mới mà không thử nghiệm.*

The government made a mistake when they _____ the new method without testing it first.

A. applied

B. will apply

C. apply

D. have applied

Bài 2: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc vào chỗ trống.

Example: _____

1. The government (take) ***_has taken_*** a number of actions ***since the disease broke out***.
2. These days, many parents _____ (force) their children to attend too many extra classes.
3. It _____ (be) forecast that the figure for male accountants _____ (increase) to 200 in 2030.
4. Most schools in Vietnam _____ (never adopt) this modern teaching approach before.
5. In 2000, the number of cars in Bangladesh _____ (be) half of that in 2010.
6. The environment in many developing countries _____ (become) more and more polluted.
7. The prices of fossil fuels (rise) _____ over the past few months.
8. The increase in the number of private vehicles _____ (lead) to more traffic jams in the next ten years.
9. The educational system _____ (experience) three reforms up until now.
10. In the future, more children _____ (be) able to attend schools.

Bài 3: Chọn cụm từ đúng trong các câu dưới đây.

Example:

1. ***In 1990*** **/ Since 1990**, the number of females in Politics class increased to 140 students.
2. It is predicted that the number of females majoring in Politics in Kingsland University will decrease to 87 **in 2005 / in 2035**.

This publication's user rights are given to [redacted]

LIVEWORKSHEETS

3. The local council has taken many steps to reduce the number of traffic accidents **over the past few months / right now**.
4. Studying abroad is becoming more popular among the young **these days / in the past**.
5. There has been a significant increase in the number of road accidents in big cities **in the near future / since 2005**.
6. **A few decades ago / These days**, people had to use letters to communicate with friends living far away from them.

Bài 4: Dịch các câu sau sang Tiếng Anh.

1. Internet là một phát minh quan trọng của loài người.

.....

.....

invention: *phát minh*
human beings: *loài người*

2. Trẻ em ở thành phố **thường** có nhiều cơ hội để học tập và phát triển bản thân.

.....

.....

opportunity: *cơ hội*
develop: *phát triển*

3. Ô nhiễm môi trường đã trở thành một vấn đề cấp bách **trong những năm gần đây**.

.....

.....

environmental pollution: *ô nhiễm môi trường*
urgent issue: *vấn đề cấp bách*

4. Các nhà khoa học **đang** cố gắng tìm ra giải pháp để tái chế rác một cách hiệu quả.

.....

.....

A measure to do sth: *giải pháp để làm gì*
waste: *rác thải*

5. Điện thoại thông minh **đang** dần thay thế báo giấy và máy chụp ảnh bởi vì chúng rất tiện lợi.

.....

.....

gradually: *dần dần*
printed newspapers: *báo giấy*

This publication's user rights are given to

LIVEWORKSHEETS